



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

HỘI NGHỊ KHOA HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (DSSD 2026)



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**



**HỘI NGHỊ KHOA HỌC:
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ
AN NINH VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(DSSD 2026)**

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
HÀ NỘI - 7/2026**

MỤC LỤC

1. TƯ DUY, NHẬN THỨC MỚI VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG - NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH HIỆN NAY	1
<i>Đại tá Mai Thị Ngọc</i>	
2. ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, GẮN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG PHÁO BINH - TÊN LỬA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI	8
<i>Đại tá.PGS.TS Phạm Quang Tạo</i>	
3. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	15
<i>Đại tá.GVC.ThS Trần Bắc Bộ</i>	
4. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	20
<i>Trung tá.ThS Ngô Văn Dương</i>	
5. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN VIỆT NAM	25
<i>TS Đào Anh Tuấn</i>	
6. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT THÍCH ỨNG VỚI CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ	39
<i>Thượng tá.ThS Hoàng Xuân Trường</i>	
7. KHAI THÁC KHÔNG GIAN VĂN HÓA - LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	46
<i>TS Đặng Thị Thanh Trâm</i>	
8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC: LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC	51
<i>ThS Phạm Công Tú</i>	
9. XÂY DỰNG ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	59
<i>Đại tá.GVC.ThS Trần Bắc Bộ</i>	

10. ỨNG DỤNG CHUYÊN ĐỔI SỐ, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY	67
<i>Thượng tá.ThS Trần Thanh Hanh</i>	
11. ĐỔI MỚI NỘI DUNG QUÂN SỰ CHUNG, KỸ THUẬT VÀ CHIẾN THUẬT BỘ BINH TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỚC BIẾN ĐỘNG CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI	75
<i>Đinh Thái Hưởng</i>	
12. ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CHUYÊN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	82
<i>Trung tá.ThS Nguyễn Văn Xuân, ThS Khúc Thị Phương Thảo</i>	
13. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC: CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	92
<i>ThS Nguyễn Anh Tuấn</i>	
14. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY	102
<i>ThS Nguyễn Đình Lâm</i>	
15. MỐI QUAN HỆ GIỮA XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI	111
<i>Nguyễn Văn Hiệp</i>	
16. BÀN VỀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC THỰC HÀNH MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	120
<i>Thượng tá.ThS Nguyễn Tăng Liêm</i>	
17. NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG KỶ NGUYÊN 4.0	130
<i>TS Ma Thị Ngân</i>	
18. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI	134
<i>Trung tá.TS Đoàn Xuân Phúc</i>	
19. TÁC ĐỘNG CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐẾN CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	140
<i>Trung tá.ThS Ngô Văn Dương</i>	

20. ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THÔNG QUA ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	146
<i>ThS Nguyễn Anh Tuấn, ThS Điều Thái Hồng</i>	
21. GIÁO DỤC LÒNG YÊU NƯỚC CHO SINH VIÊN THÔNG QUA MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	155
<i>ThS Nguyễn Thị Thanh Nhân, ThS Trần Văn Mạnh</i>	
22. XÂY DỰNG, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	164
<i>Thượng tá.ThS Trần Thanh Hanh</i>	
23. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT TRONG TÌNH HÌNH MỚI	171
<i>Thượng tá.ThS Hoàng Xuân Trường</i>	
24. TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN Ở CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	176
<i>Thượng tá.ThS Ngô Văn Dương</i>	
25. GIẢI PHÁP CHỐNG “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH” TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY	184
<i>Đại tá Phạm Quốc Đảm, Lê Văn Bình</i>	
26. LỰA CHỌN NHỮNG MÔN THỂ THAO PHÙ HỢP CHO HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	191
<i>ThS Lương Anh Hùng</i>	
27. NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY	197
<i>Thượng tá.ThS Nguyễn Văn Phong</i>	
28. GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT THÔNG QUA MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	206
<i>Đại tá Phạm Quốc Đảm, Đại tá Phan Công Đình</i>	
29. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: CHIẾN LƯỢC TỰ CƯỜNG VÀ ĐỘT PHÁ CÔNG NGHỆ	214
<i>ThS Phạm Công Tú</i>	
30. VAI TRÒ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	220
<i>Trung tá.TS Nguyễn Văn Bách, Đinh Thị Mai Hương</i>	

31. BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP SỐ - VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH HIỆN NAY	227
<i>ThS Nguyễn Hồng Trường</i>	
32. GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	231
<i>TS Vũ Trung Tuấn, ThS Nguyễn Thị Hồng Tâm</i>	
33. GIÁO DỤC LÒNG YÊU NƯỚC CHO SINH VIÊN TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC	241
<i>TS Vũ Trung Tuấn, ThS Nguyễn Thế Tiến, ThS Trần Huy Thảo</i>	
34. ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH	248
<i>Lê Thị Hồng Thắng, Lê Thị Định</i>	
35. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÀO TẠO CON NGƯỜI YÊU NƯỚC: GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	254
<i>ThS Nguyễn Thị Thu Hiền</i>	
36. NHỮNG NỘI DUNG MỚI TRONG TƯ DUY QUỐC PHÒNG - AN NINH THEO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV	262
<i>ThS Trần Huy Thảo, ThS Kiều Minh Thụy, ThS Vũ Trung Tuấn</i>	
37. THỂ TRẬN LÒNG DÂN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG “SỨC ĐỀ KHÁNG” MỚI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH	273
<i>Đại úy Nghiêm Công Đĩnh</i>	
38. SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI	280
<i>Đại tá Nguyễn Thế Thái</i>	

NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI VÙNG BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

Thượng tá.ThS Nguyễn Văn Phong*

Tóm tắt: Vùng biên giới đất liền được coi là “cửa ngõ” quan trọng trong hợp tác quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại, là “phên dậu” của Tổ quốc, bảo đảm chủ quyền quốc gia. Trong quá trình phát triển quốc gia - dân tộc Việt Nam, vùng biên giới đất liền đã có những thay đổi tích cực trên nhiều phương diện kinh tế - văn hóa - chính trị - xã hội, song cũng đang đặt ra nhiều thách thức như vấn đề đói nghèo, di dân tự do, nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng yêu cầu, môi trường và biến đổi khí hậu, mối quan hệ tộc người liên, xuyên biên giới... Những thách thức ấy đang là “rào cản” làm ảnh hưởng đến sự phát triển, hội nhập của đất nước ta trên “chặng đường” bước vào kỷ nguyên mới. Vì vậy, việc nghiên cứu những thách thức đặt ra đối với vùng biên giới đất liền để kịp thời có những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển, ổn định ở khu vực này trong bối cảnh hiện nay là hết sức cần thiết.

Từ khóa: biên giới đất liền; hội nhập; thách thức; toàn cầu hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia có hàng nghìn km đường biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các quốc gia láng giềng này được hình thành, tồn tại từ lâu trong lịch sử cùng với tiến trình phát triển quan hệ giữa các quốc gia và phần lớn tuyến biên giới đất đều đi qua núi non hiểm trở, đường xá, giao thông không thuận lợi, dân cư sống hai bên biên giới là các dân tộc thiểu số, trong đó phần lớn là các dân tộc ít người, sống thưa thớt tại các làng bản xa nhau, đời sống gặp nhiều khó khăn... nên đặt ra nhiều vấn đề trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Chính vì vậy, khu vực biên giới đất liền luôn được Chính phủ các nước quan tâm, trong đó Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách, dự án đầu tư được ban hành, triển khai nhằm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển quốc gia - dân tộc, do tác động từ nhiều yếu tố như vị trí địa lý, lịch sử tộc người, kinh tế mậu biên, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, sự phát triển của khoa học công nghệ, hội nhập và toàn cầu hóa, cạnh tranh địa chiến lược của các nước láng giềng khiến khu vực biên giới đất liền đặt ra nhiều thách thức đòi hỏi cần phải có những nghiên cứu cụ thể, thấu đáo để có các giải pháp phù hợp với thực tiễn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan về vùng biên giới đất liền

“Biên giới quốc gia được xác định là hàng rào pháp lý xác định giới hạn vùng đất, vùng nước, vùng biển, vùng trời và lòng đất thuộc chủ quyền quốc gia, là nơi phân chia chủ quyền lãnh thổ của một quốc gia với một quốc gia khác, hoặc khu vực có quy

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

chế pháp lý quốc tế”¹. Điều 1, Luật Biên giới quốc gia (2003) xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”². Là một quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có đường biên giới đất liền tiếp giáp với ba nước là Trung Quốc, Lào và Campuchia.

- *Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*: Ngày 31/12/2008, Việt Nam và Trung Quốc đã ra Tuyên bố chung về việc hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên biên giới đất liền giữa hai nước. Với kết quả trên, đường biên giới Việt Nam và Trung Quốc dài 1.449,56 km, tiếp giáp giữa 07 tỉnh của Việt Nam từ tây sang đông, gồm các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh với tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc, trong đó có 383,914 km đi theo sông, suối, đã được cắm 1.971 cọc mốc, bao gồm 1.548 mốc chính và 422 mốc phụ. Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền (tháng 11/2009). Các văn kiện này chính thức có hiệu lực từ năm 2010. Ngoài ý nghĩa xác định rõ ràng một đường biên giới giữa hai nước, các Hiệp định còn tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành chức năng của cả hai bên tiến hành quản lý biên giới một cách hiệu quả, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của nhau, mở ra cơ hội mới cho công cuộc phát triển của mỗi nước, tạo điều kiện cho các địa phương hai bên biên giới mở rộng hợp tác, phát triển kinh tế, tăng cường giao lưu hữu nghị³ và đưa đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc trở thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

- *Vùng biên giới Việt - Lào*: Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nêu rõ: “Biên giới” là đường và mặt thẳng tính theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, lòng đất, vùng nước, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào⁴. “Vùng biên giới” là chỉ khu vực hành chính cấp huyện của hai nước có một phần địa giới hành chính trùng với trùng với đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào⁵. Căn cứ Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào, xác định danh sách các đơn vị hành chính vùng biên giới như sau: (1) Phía nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 10 tỉnh có đường biên giới trên đất liền giáp với Lào gồm các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng và Quảng Ngãi⁶. (2) Phía nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào

¹ Nguyễn Mạnh Đông, *Giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ Việt Nam: Kết quả và bài học kinh nghiệm*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 14/3/2021.

² Quốc hội (2003), *Luật Biên giới quốc gia*, Luật số: 06/2003/QH11.

³ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai/-/2018/821647/giai-quyet-cac-van-de-bien-gioi%2C-lanh-tho-cua-viet-nam--ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>.

⁴ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hiep-dinh-Quy-che-quan-ly-bien-gioi-va-cua-khau-bien-gioi-tren-dat-lien-giua-Viet-Nam-Lao-576939.aspx>.

⁵ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hiep-dinh-Quy-che-quan-ly-bien-gioi-va-cua-khau-bien-gioi-tren-dat-lien-giua-Viet-Nam-Lao-576939.aspx>.

⁶ Trước ngày 01/7/2025 các tỉnh có vùng biên giới đất liền giáp với Lào gồm: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Kon Tum. Thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính của Quốc hội khóa 15, từ ngày 01/7/2025, Hà Giang sáp nhập vào Tuyên Quang, Quảng Bình sáp nhập vào Quảng Trị, Quảng Nam sáp nhập vào Đà Nẵng, Kon Tum sáp nhập vào Quảng Ngãi.

có 10 tỉnh có đường biên giới giáp đất liền với Việt Nam gồm Phongsali, Luangprabang, Huaphanh; Xiengkhuang, Borikhamxay, Khammuane Savannakhet, Saravane, Sekong, Attapeu.

- *Vùng biên giới Việt Nam - Campuchia*: Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia dài khoảng trên 1.200 km, điểm khởi đầu ở vị trí là giao điểm đường biên giới giữa ba nước Việt Nam - Campuchia - Lào, điểm kết thúc ở vị trí cuối cùng của đường biên giới đất liền trên bờ Vịnh Thái Lan tiếp giáp giữa tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) và tỉnh Kampot (Campuchia). Đường biên giới đi qua 10 tỉnh biên giới của Việt Nam và 09 tỉnh biên giới Campuchia. Các tỉnh Việt Nam là Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang⁷. Các tỉnh biên giới Campuchia là Rattanakiri, Mondulakiri, Kratié, Tboung Khmurn, Svay Rieng, Prey Veng, Kandal, Takeo và Kampot. Tính chất pháp lý của đường biên giới Việt Nam - Campuchia phức tạp hơn so với đường biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Trung Quốc, do vừa là đường biên giới quốc tế (phần Nam Kỳ - Campuchia), vừa là đường biên giới hành chính do chính quyền thực dân Pháp thiết lập (phần Trung Kỳ - Campuchia)⁸.

2.2. Những thách thức đang đặt ra ở vùng biên giới đất liền tác động đến sự phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng đối với vùng biên giới đất liền và đã có những thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, cùng với đó vẫn tồn tại những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách cần phải quan tâm, giải quyết trong thời gian tới, để Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới và hội nhập với thế giới.

Thứ nhất, tình trạng đói nghèo ở một số bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số vẫn tiếp tục diễn ra do thiếu đất ở, đất sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của xã hội.

Khu vực biên giới đất liền đa phần là những nơi giao thông không thuận lợi, đi lại khó khăn, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng) có nhiều bất lợi cho sản xuất nói chung và sản xuất hàng hóa nói riêng. Dân cư sống hai bên biên giới chủ yếu là các dân tộc thiểu số, trong đó phần lớn là các dân tộc ít người có trình độ phát triển không đồng đều, sống thưa thớt tại các làng bản cách xa nhau và xa đường biên giới. Khu vực biên giới đất liền cũng là nơi tập trung đa phần các hộ nghèo, cận nghèo, là “nơi đói nghèo”, là “vùng trũng” của cả nước. Theo kết quả điều tra dân số và nhà ở 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy có đến 24 dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 30%, trong đó tập trung nhiều ở khu vực trung du miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên, nhất là ở các dân tộc sinh sống ở các khu vực biên giới đất liền, chẳng hạn như La Hủ (74,4%), Mảng (66,3%), Xinh mun (65,3%), Chứt (60,6%), Cor (57,1%)⁹...

⁷ Trước ngày 01/7/2025, các tỉnh có đường biên giới đất liền giáp với Campuchia gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang.

⁸ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/821647/giai-quyet-cac-van-de-bien-gioi%2C-lanh-tho-cua-viet-nam--ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>.

⁹ Văn Đức Thanh (Chủ nhiệm đề tài, 2021), Đề tài Nhà nước, Những vấn đề cơ bản các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào, Ủy ban Dân tộc.

Đất đai được coi là nguồn tư liệu quan trọng để đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực vùng biên sản xuất, trồng trọt... tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu sinh sống của gia đình. Tuy nhiên, khu vực vùng biên giới đất liền, đặc biệt là khu vực biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc, đất đai thường không bằng phẳng, nhiều núi đá hiểm trở, cùng với đó là xu thế phát triển của xã hội hiện nay khiến quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng ngày thu hẹp... sinh kế dựa vào nông nghiệp của người dân rất khó khăn. Thời gian qua, nhiều gia đình dân tộc thiểu số nói chung, vùng biên giới đất liền nói riêng đã bán, chuyển nhượng đất đai vốn từ thế hệ ông cha truyền lại, là tư liệu sản xuất của mình... để lấy tiền tiêu, mua sắm tài sản và kết quả là sau khi tiêu hết số tiền bán đất, họ không còn tư liệu sản xuất, không còn đất để sản xuất, trồng trọt... khiến đời sống khó khăn lại chồng chất khó khăn. Bên cạnh đó, quỹ đất nông nghiệp và đất rừng ngày càng bị thu hẹp, suy thoái chất lượng đất gia tăng do nhiều nguyên nhân như thời tiết cực đoan, bão lũ, hạn hán, do khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chương trình, dự án như giao đất, giao rừng, chương trình định canh, định cư nên đã hạn chế việc chặt phá rừng làm nương rẫy theo phong tục, tập quán truyền thống của một số tộc người, song do vốn đầu tư cho lâm nghiệp còn ít nên công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng còn chưa tốt, kỹ thuật lạc hậu nên vẫn dễ xảy ra việc khai thác, phá rừng bừa bãi đã gây hậu quả nghiêm trọng đất bị rửa trôi, bạc màu, lũ bất ngờ với cường độ lớn. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời gian qua đã tác động đến người dân ở các vùng, miền trong cả nước khiến nhiều nơi một diện tích lớn đất sản xuất - nguồn sống chính của người dân được thu hồi để phục vụ cho mục đích này, đồng nghĩa với việc bộ phận đông đảo người dân bị tách khỏi sản xuất nông nghiệp mà không kịp chuyển đổi nghề. Bộ phận còn lại tuy vẫn sống bằng nông nghiệp nhưng đối mặt với thiếu đất sản xuất, giá nông sản hàng hóa rẻ, không tương xứng với giá của hàng công nghiệp. Sự phát triển của xã hội hiện đại đã thu hút dân cư đến các vùng có điều kiện sống cao hơn, cơ sở hạ tầng tốt hơn đã tác động mạnh đến quỹ đất quần cư, đất bỏ hoang truyền thống¹⁰. Trên thực tế cho thấy, việc thiếu đất ở, đất sản xuất kéo theo nhiều hệ lụy do một bộ phận dân cư các tộc người vùng biên phải đi làm thuê, đi làm ăn xa hoặc thuê đất ở bên kia biên giới để canh tác, nhất là ở Trung Quốc, Campuchia; tình trạng tranh chấp đất đai làm xung đột giá trị kinh tế của hộ gia đình và cộng đồng. Điều này làm nảy sinh nhiều hiện tượng mất ổn định trật tự xã hội, bị các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá... ảnh hưởng đến mỗi đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc đáp ứng nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có vùng biên giới đất liền đang là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay.

Đói nghèo ở các dân tộc thiểu số ở khu vực vùng biên còn do chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, việc làm hiện nay. Phần lớn lao động trong độ tuổi của các dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới đất liền, giáp ranh với vùng biên, nhất là ở các hộ nghèo, cận nghèo thường chỉ học đến cấp trung học cơ sở và cấp tiểu học. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên dân tộc thiểu số lên đến 5,76%,

¹⁰ Phan Văn Hùng (2021), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.90.

cao gấp 2,5 lần tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong cả nước (2,34%)¹¹. Điều đó khiến cho thị trường lao động bất cập cả về quy mô và cơ cấu, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động hiện nay. Thị trường dư thừa lao động nông nghiệp, nông thôn với chất lượng cung lao động thấp, phân bổ chưa hợp lý. Vẫn còn tỷ lệ lớn lao động trong các ngành nghề đơn giản, không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật, khu vực làm công ăn lương phát triển chậm, tỷ lệ thiếu việc làm khá nghiêm trọng. Trong thực trạng hiện nay, nhiều người dân tộc thiểu số đã rời bỏ quê hương, đi làm ăn xa ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó có việc sang bên kia biên giới để làm lao động phổ thông, kiếm tiền mà chưa quan tâm đến việc phát triển, làm ăn kinh tế tại địa phương cũng khiến cho nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương chưa được thực hiện triệt để và có hiệu quả dẫn đến sinh kế không bền vững. Mặc dù, thời gian qua, nhiều hoạt động sinh kế cho vùng dân tộc thiểu số được đẩy mạnh dựa trên lợi thế về tài nguyên văn hóa, nhiều nơi, nhiều tộc người đã phát triển sinh kế dựa trên du lịch cộng đồng, từng bước xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhưng số lượng này còn ít, chưa đồng đều giữa các tộc người, giữa các vùng biên giới. Vì vậy, việc tìm ra các phương thức, giải pháp để ổn định, phát triển sinh kế cho người dân mà không bị lệ thuộc nhiều vào đất đai, phù hợp với trình độ dân trí và khả năng của đồng bào dân tộc thiểu số cũng là vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách cần phải giải quyết hiện nay.

Thứ hai, thị trường hàng hóa ở vùng dân tộc thiểu số còn chậm phát triển, có khoảng cách khá lớn về quy mô, trình độ phát triển chung của cả nước, nhất là ở các dân tộc cư trú vùng cao, vùng sâu, vùng xa, các dân tộc có dân số ít.

Những năm qua, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có những chuyển biến quan trọng, tích cực về đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn nhiều dân tộc thiểu số ở vùng biên giới đất liền vẫn thực hành nền sản xuất mang tính tự cung, tự cấp, manh mún, nhỏ lẻ, mức độ thương hóa phẩm đối với sản phẩm nông sản còn thấp, sản phẩm cung ứng chưa gần và chưa đáp ứng nhu cầu thị trường, cơ cấu hàng hóa đơn giản, mang tính mùa vụ cao, nhất là các tộc người có dân số ít. Nguồn cung ứng hàng hóa ngoài vùng được cung ứng từ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đến các vùng đồng bằng và thành thị hoặc hàng hóa nước ngoài thông qua các hoạt động trao đổi của cư dân biên giới do đặc thù giáp biên với các nước như Trung Quốc, Lào, Campuchia cũng bị hạn chế về số lượng, chi phí vận chuyển cao, chủng loại hàng hóa kém phong phú... Hệ thống phân phối, trung gian thị trường kết nối cung - cầu hàng hóa ở khu vực vùng biên còn khá lạc hậu so với khu vực nông thôn, thành thị, hạ tầng cơ sở thương mại còn đơn giản, chủ yếu là chợ truyền thống, kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại, trong đó có thương mại điện tử chưa được hình thành... do vậy chưa tạo được sức hút đầu tư, phát triển của các doanh nghiệp¹². Những điều này tạo ra sự thách thức lớn đối với các tộc người ở khu vực vùng biên, đặc biệt là khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

¹¹ Phan Văn Hùng (2021), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.101

¹² Phan Văn Hùng (2021), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.93.

Thứ ba, vấn đề di dân tự do của một số dân tộc thiểu số sang các tỉnh lân cận sang bên kia biên giới để làm ăn, buôn bán, sinh sống, kết hôn với đồng tộc dẫn đến sự khó kiểm soát đối với chính quyền địa phương và có nguy cơ về an ninh, chính trị, tuyên truyền văn hóa ngoại lai, bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Vấn đề di dân tự do đã và đang đặt ra nhiều vấn đề trong thời gian qua bởi di dân tự do của các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới diễn ra ở cả phạm vi trong nước và quốc tế. Thời gian qua có một số lượng lớn đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực trung du miền núi phía Bắc di cư vào các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Theo số lượng báo cáo của Ủy ban Dân tộc, năm 2015 có 04 dân tộc có số lượng di cư lớn hơn 100.000 người là người Tày, Nùng, Khmer, Hmông¹³ đều cư trú ở các vùng biên giới Việt Nam với Trung Quốc, Việt Nam với Lào và Việt Nam với Campuchia. Di dân lao động qua biên giới hay di dân quốc tế cũng là một trong những đặc điểm nổi bật trong diễn biến di dân dân tộc thiểu số. Tình trạng di dân tự do sang Trung Quốc, Lào, Campuchia để lao động, làm thuê đang diễn ra hết sức phổ biến ở các dân tộc thiểu số khu vực vùng biên, đặc biệt là khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc và trong một vài năm trở lại đây ở khu vực Việt Nam - Campuchia được đẩy mạnh... khiến cho công tác quản lý ở các địa phương gặp nhiều khó khăn, có ảnh hưởng đến vấn đề trật tự an toàn xã hội... dễ bị kẻ địch lợi dụng gây phương hại đến an ninh quốc gia. Một số người dân ở vùng biên giới cho rằng, cuộc sống đồng tộc bên kia biên giới khá giả, không chỉ thuận lợi cơ sở vật chất như đường giao thông, trường học, nhà cửa khang trang, tiện lợi khám chữa bệnh mà hầu như phần lớn các hộ gia đình đều là chủ sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ chế biến nông - lâm sản, dịch vụ ăn uống, buôn bán. Trong khi bộ phận người dân các dân tộc thiểu số ở nhiều nơi thuộc vùng biên giới phía Việt Nam đang gặp không ít khó khăn, thiếu thốn của cuộc sống hiện tại thì bên kia biên giới thuộc Trung Quốc, những người đồng tộc với tộc người bên Việt Nam (Tày, Nùng, Hmông, Hà Nhì...) đang có cuộc sống khá giả lên do được hưởng lợi từ các chính sách đầu tư thích đáng dành cho khu vực biên giới của Nhà nước Trung Quốc... Điều này không chỉ đã và đang thu hút một bộ phận dân tộc thiểu số ở Việt Nam qua lại đường biên giới sang Trung Quốc kiếm việc làm, mua các loại hàng hóa rẻ, kể cả văn hóa đồi trụy về Việt Nam bán lậu, gia tăng số lượng phụ nữ Việt Nam sang kết hôn với người Trung Quốc... mà còn dễ gây nên sự so bì với người dân của những tộc người cư trú ở khu vực biên giới. Vấn đề nan giải hiện nay là tình trạng khó khăn, thiếu thốn của một bộ phận người dân các tộc người thuộc vùng biên giới so với đồng tộc bên kia biên giới dễ bị các lực lượng xấu lợi dụng và chống phá khiến một số ít người dân ở phía Việt Nam vô tình quay lưng lại với lợi ích quốc gia, tiến hành các hoạt động mang tính phạm pháp xuyên biên giới như buôn lậu, buôn bán phụ nữ và trẻ em, tiếp tay với các thế lực bên kia biên giới làm ăn phi pháp trên đất nước Việt Nam.

Thứ tư, vấn đề suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu trong nhiều năm gần đây là một vấn đề thách thức đối với toàn cầu, trong đó có vùng dân tộc thiểu số, ở các tỉnh biên giới. Suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu làm cho diện tích đất xấu, đất khó cải tạo ngày càng mở rộng, mất đất do sạt lở, mưa lũ, bão, lũ ống, lũ quét ở khu vực phía Bắc, miền Trung, sụt lún do khai thác cát và xói lở bờ sông, hạn hán diễn ra ngày càng

¹³ Văn Đức Thanh (Chủ nhiệm đề tài, 2021), Đề tài Nhà nước, Những vấn đề cơ bản các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào, Ủy ban Dân tộc.

hiều ở khu vực Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Bộ. Ô nhiễm, thoái hóa đất do thuốc diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật và canh tác du canh du cư, xâm ngập mặn... khiến cho diện tích đất rừng, đất trồng trọt, nguồn nước, môi trường ngày càng bị suy thoái, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân... cũng là nguyên nhân tác động đến tình trạng đói nghèo, tái nghèo ở nhiều đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới.

Thứ năm, vấn đề quan hệ tộc người liên/xuyên biên giới: Hiện nay tình hình quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người ở vùng biên đã đem lại cho đồng bào những tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, gìn giữ văn hóa... Các mối quan hệ thân tộc, đồng tộc truyền thống đang hướng tới ưu gắn kết hơn với việc làm ăn buôn bán, tìm kiếm việc làm, trao đổi giống cây trồng vật nuôi... là cơ hội tốt để người dân đồng tộc và khác tộc ở hai bên biên giới mở rộng giao lưu, phát huy tinh thần đoàn kết, hữu nghị, cùng nhau tham gia bảo vệ biên giới, giữ gìn tài sản và ổn định an ninh xã hội... Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích đem lại thì trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch luôn triệt để lợi dụng những điều kiện mới của thế giới, vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng ở nước ta để âm mưu hình thành các “điểm nóng”, kích động đồng bào dân tộc thiểu số nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Điều đó cũng làm ảnh hưởng đến ý thức quốc gia - dân tộc, văn hóa quốc gia của một số tộc người ở khu vực biên giới nước ta.

Thứ sáu, thách thức từ quá trình hội nhập, toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

Khoa học công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập mở ra nhiều cơ hội để các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam trong quá trình phát triển của mình trên nhiều phương diện, song nó cũng đặt ra không ít thách thức. Khi các yếu tố quốc tế, bên ngoài tăng lên, các quốc gia, dân tộc ngày càng phụ thuộc lẫn nhau trên con đường phát triển thì vị trí của nhân tố tộc người cũng có sự thay đổi đáng kể. Toàn cầu hóa gắn với hiện đại hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, chuyển đổi số đã đặt ra những thách thức đối với quản lý xã hội, nhất là quản lý các mối quan hệ dân tộc, quan hệ tộc người trong bối cảnh mở rộng giao lưu, các phương tiện thông tin, điều kiện đi lại ngày càng cải tiến hiện đại. Những thách thức trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa tộc người, nhất là khi bảo tồn văn hóa gắn với phát triển. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, toàn cầu hóa làm nảy sinh nguy cơ khiến nhiều giá trị văn hóa được coi là bản sắc dân bị mai một, mất bản sắc, lai căng, thậm chí đứt gãy, nhất là trước sự tác động, phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng số...

2.3. Một vài khuyến nghị

Một là, cần tiếp tục nghiên cứu để có những cơ chế, chính sách phù hợp đối với vùng biên giới, đa dạng hóa chính sách dân tộc trong phát triển. Trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở khu vực vùng biên giới cần vận dụng sáng tạo chiến lược phát triển quốc gia vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa. Các chính sách này ngoài mục tiêu thúc đẩy, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống và chất lượng sống cho các dân tộc thiểu số mà còn nhằm đề cao vai trò của các dân tộc thiểu số, đề cao văn hóa dân tộc thiểu số, nâng cao ý thức và tự hào về một quốc gia chung, bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia, nhất là đối với các dân tộc thiểu số ở khu vực giáp biên có mối quan hệ đồng tộc với các nước láng giềng.

Hai là, trong quá trình phát triển cần hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo vệ môi trường giữa lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chính sách, nhất là chính sách dân tộc cần xác định đúng đắn các nhiệm vụ trọng tâm để có những đầu tư, thực hiện cho phù hợp với đặc thù của từng khu vực, từng tộc người, trong đó con người và các tộc người ở khu vực biên giới được coi là chủ thể quan trọng hàng đầu. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi toàn bộ vùng biên giới đất liền nước ta đều là nơi tập trung chủ yếu của các dân tộc thiểu số, được coi là phen dậu quốc gia, luôn chịu sự tác động từ bên ngoài, có vị trí đặc biệt nhất là trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay. Tôn trọng các tộc người, đời sống, sinh hoạt của họ cả trong nhận thức lẫn trong việc làm, từ chính sách đầu tư, hoạch định các chính sách, xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình, dự án phát triển, đồng thời phải tính đến những tác động của các chính sách, chiến lược phát triển vùng biên cương của các quốc gia láng giềng, đặc biệt là Trung Quốc.

Ba là, đổi mới chính sách đào tạo, đào tạo nghề và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, bám sát với thực tiễn của khu vực vùng biên, chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng cho lực lượng lao động tại chỗ, là người dân tộc thiểu số. Ý thức vươn lên, tự chủ, vượt khó... là nhân tố quan trọng để các tộc người thiểu số phát triển, ổn định và phát triển.

Bốn là, cần tăng cường quan tâm đến vấn đề văn hóa của các tộc người thiểu số, nhất là các tộc người có dân số ít ở vùng biên thì mới có cơ hội duy trì và phát triển tộc người trong bối cảnh mới. Không phát triển văn hóa, giáo dục trong cộng đồng các dân tộc thiểu số thì không thể có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, không tạo được sự bình đẳng và cũng không có sự phồn vinh ở các dân tộc thiểu số.

Năm là, kịp thời phát hiện và giải quyết hiệu quả, thấu đáo, có tình có lý để giải quyết các mối quan hệ tộc người, những vấn đề an ninh, trật tự an toàn xã hội giữa các tộc người trong nội bộ địa phương, giữa các tộc người với các tộc người bên kia biên giới... để hướng tới xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn và bảo vệ an ninh biên giới, an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ.

Sáu là, cần tiếp tục đầu tư, xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng mạng, kỹ thuật số..., có chiến lược thu hút các nhà đầu tư, đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng biên, để các dân tộc thiểu số cơ điều kiện ổn định, làm ăn, sinh sống tại địa phương.

Bảy là, tăng cường đào tạo, đào tạo có hệ thống, có kế hoạch đối với đội ngũ cán bộ công chức cơ sở ở tại các tỉnh biên giới, nhất là các xã biên giới; chú ý đào tạo nguồn và đào tạo cán bộ tại chỗ, có chính sách ưu tiên, đãi ngộ đối với cán bộ công tác tại các xã biên giới và con em dân tộc thiểu số tại địa phương. Đồng thời tăng cường tiềm lực của các đồn biên phòng, kết hợp chặt chẽ hoạt động của bộ đội biên phòng với chính quyền, tổ chức đoàn thể tại địa phương, đội ngũ già làng, trưởng bản bởi các đồn biên phòng không chỉ đảm đương nhiệm vụ quân sự, quốc phòng - an ninh mà còn làm các nhiệm vụ liên quan đến kinh tế, văn hóa, đối ngoại.

3. KẾT LUẬN

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng biên giới trải dài ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, gắn với một môi trường cư trú, địa hình đi lại phức tạp, đời sống kinh tế có nhiều khó khăn, trình độ dân trí các tộc người còn thấp... Thời gian qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, y tế - giáo dục... cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới và các chính sách đã mang tính toàn diện trên nhiều mặt, góp phần thay đổi đáng kể đời sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi đây, song trên thực tế của quá trình phát triển vẫn còn những có nhiều khó khăn, bất cập chưa thể giải quyết trong “một sớm một chiều”, những thách thức lớn đặt ra vẫn cần tiếp tục có sự đầu tư, hỗ trợ từ Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và sự chung tay của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là trong bối cảnh các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, hội nhập và toàn cầu hóa, cách mạng khoa học công nghệ 4.0 đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống - xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2003), *Luật Biên giới quốc gia*, Luật số: 06/2003/QH11.
2. Tạp chí Cộng sản, số chuyên đề *Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, tháng 1 năm 2025.
3. Nguyễn Mạnh Đông, *Giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ Việt Nam: Kết quả và bài học kinh nghiệm*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 14/3/2021.
4. Nguyễn Thị Song Hà (chủ biên, 2021) *Biến đổi văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam từ Đổi mới đất nước đến nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Song Hà (2024), *Chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, số tháng 8 năm 2024.
6. Phan Văn Hùng (chủ biên, 2022), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Văn Đức Thanh (Chủ nhiệm đề tài, 2021), Đề tài Nhà nước *Những vấn đề cơ bản các dân tộc vùng biên giới Việt- Lào*, Ủy ban Dân tộc.
8. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/821647/giai-quyet-cac-van-de-bien-gioi%2C-lanh-tho-cua-viet-nam--ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>.
9. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hiep-dinh-Quy-che-quan-ly-bien-gioi-va-cua-khau-bien-gioi-tren-dat-lien-giua-Viet-Nam-Lao-576939.aspx>.

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số 8 Tăng Bạt Hổ, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

ĐT: 024.39424620 - 39423346 * Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

Giám đốc - Tổng Biên tập: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP: **Dương Hồng Hạnh**

THIẾT KẾ: **Phương Linh**

Đối tác liên kết: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Địa chỉ: Số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội

In 500 cuốn khổ 21 x 29cm, tại Công ty cổ phần in và thương mại Ngọc Hưng

Địa chỉ: 296 đường Phúc Diễn, TDP số 1, phường Xuân Phương, TP. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2701-2026/CXBIPH/1-55/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3396-8.

Quyết định xuất bản số: 78 LK/QĐ-XBGT ngày 09/7/2026.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2026.

HỘI NGHỊ KHOA HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (DSSD 2026)



ISBN: 978-604-76-3396-8



SÁCH KHÔNG BÁN